Trường Đại học Xây dựng
Phòng Đào tạo

Mẫu in D1240

BẢNG ĐIỂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 17-18

Môn học/Nhóm: **Đồ án kiến trúc dân dụng 5 (331629) - 60KD2** Số tín chỉ: 2

Ngày thi: **/ /** **Phòng thi**

STT	Mã SV	Họ và Tên		Lớp Q.Lý	ĐQT	ĐKT	Ghi chú
1	2000360	Hà Diệu	Anh	60KD2	8	7	
2	2048260	Hoàng Tuấn	Anh	60KD2	7	4	
3	2037960	Phạm Việt	Anh	60KD2	7.3	5	
4	2004660	Trần Bá	Anh	60KD2	0	V	
5	2087158	Vũ Ngọc	Bảo	58KD7	0	V	
6	2223957	Nguyễn Văn	Chung	57KD2	7.8	6.5	
7	2026460	Lê Hùng	Cường	60KD2	8.5	7	
8	2032060	Phan Văn	Cường	60KD2	0	V	
9	2031860	Vũ Việt	Dũng	60KD2	8.5	6.5	
10	2071059	Đinh Văn	Dương	59KD1	0	6.5	
11	2046660	Nguyễn Văn	Dương	60KD2	0	V	
12	2038260	Nguyễn Minh	Đăng	60KD2	7.8	7	
13	2033360	Trần Văn	Đông	60KD1	7.8	6	
14	2011460	Nguyễn Đức	Giang	60KD2	0	V	
15	2022760	Nguyễn Thị Thu	Hà	60KD2	7.5	6.5	
16	2044660	Nguyễn Thị Thúy	Hà	60KD2	8.5	7.5	
17	2047360	Nguyễn Bá	Hải	60KD2	7.8	6	
18	2012960	Nguyễn Việt	Hải	60KD2	0	V	
19	2005260	Đoàn Hữu	Hòa	60KD2	0	V	
20	2044560	Nguyễn Thị	Huế	60KD2	8.5	8	
21	2030660	Thân Quốc	Huy	60KD2	3	V	
22	2125958	Nguyễn Thị	Hương	58KD8	3	6.5	
23	2024860	Vũ Lê	Hương	60KD2	9.3	7.5	
24	2021759	Nguyễn Đăng	Khoa	59KD3	8.5	6.5	
25	2030860	Nguyễn Ngọc	Kiên	60KD5	0	V	
26	2103457	Nguyễn Đức	Long	57KD4	6	7.5	
27	2114659	Trần Thành	Long	59KD2	0	V	
28	2047460	Nguyễn Văn	Lượng	60KD2	0	V	
29	2022360	Ngô Thế	Mạnh	60KD2	0	V	
30	2024160	Nguyễn Văn	Mạnh	60KD2	0	V	
31	2025760	Vũ Đình	Mạnh	60KD2	7	V	
32	2004860	Trần Công	Minh	60KD1	0	V	

33	2017460	Đào Phương	Nam	60KD2	1	V	
34	2016458	Lưu Viết	Nam	58KD5	1	V	
35	2192158	Nguyễn Giang	Nam	58KD5	1	V	
36	2006860	Nguyễn Huy Hà	Nam	60KD2	8	7	
37	2028360	Bùi Chính	Nghĩa	60KD2	0	V	
38	2000660	Nguyễn Thị	Ngọc	60KD2	7.5	7.5	
39	2003459	Nguyễn Hữu	Nguyên	59KDF	8	7	
40	2009060	Đỗ Ngọc	Phú	60KD2	0	V	
41	2022460	Đỗ Minh	Phương	60KD2	5	7.5	
42	2016760	Cao Văn	Quang	60KD2	4	V	
43	2024660	Nguyễn Văn	Quang	60KD2	3	V	
44	2037060	Phan Đức	Quân	60KD2	6	5.5	
45	2007060	Nguyễn Tuấn	Thành	60KD2	6.5	6.5	
46	2012360	Nguyễn Phương	Thùy	60KD2	5.5	5	
47	2069059	Hoàng Thị Thanh	Thủy	59KD2	2	V	
48	2040760	Nguyễn Thắng	Tiến	60KD2	8	6.5	
49	2091056	Trương Thị	Toan	56KD3	2	V	
50	2164458	Trần Thị Thu	Trà	58KD7	2	V	
51	2018660	Nguyễn Quỳnh	Trang	60KD2	6.5	6	
52	2039660	Vũ Kiều	Trang	60KD2	7	6	
53	2021360	Lê Văn Bảo	Trung	60KD2	4.5	5	
54	2089259	Nguyễn Tất	Tú	59KD3	6	7	
55	2006360	Nguyễn Việt	Tuân	60KD2	8.5	6.5	
56	2172057	Phạm Thái	Tuấn	57KD2	2	V	
57	2230057	Trần Khắc	Tùng	57KD4	2	V	
58	2062157	Trương Đức	Tùng	57KD3	2	V	
59	2030960	Dương Quỳnh	Vân	60KD2	7.5	7	
60	2039960	Lê Quý	Xuân	60KD2	6.5	5.5	

Ghi chú :

- Điểm quá trình (ĐQT)
- Điểm kết thúc (ĐKT)

(Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến 0.1)

Ngày ..... Tháng ..... Năm.....

Giảng viên đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)